

Số: 110/2020/QĐST-HNGĐ

Yên Sơn, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thu H**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn Pắc Há, xã Q, huyện B, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh **Phạm Quang H**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Xóm 5, xã T, huyện Y, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020 là Hn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thu H và anh Phạm Quang H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Phương T, sinh ngày 17/4/2005 cho chị Mai Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Quang H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020 cho đến khi cháu Phạm Phương T đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh Phạm Quang H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Mai Thu H và anh Phạm Quang H không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về vay nợ: Chị Mai Thu H và anh Phạm Quang H không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Mai Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001550 ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh T. Hoàn trả cho chị Mai Thu H số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Phạm Quang H phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện Y (2 bản);
- THADS huyện Y;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã X (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Ôn